

**20. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH TÂM LÝ HỌC****a) Các chuyên ngành (Specialization):**

20.1. Tâm lý học đại cương (General Psychology)

20.2. Tâm lý học chuyên ngành (Specialized Psychology)

20.3. Công tác xã hội (Social Work)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các Tạp chí khoa học Việt Nam và Quốc tế		Tạp chí	SCIE, SCI, SSCI, A&HCI, ESCI có IF>2	0 – 3,0
			Tạp chí	SCIE, SCI, SSCI, A&HCI, ESCI có IF ≤2	0 – 2,0
			Tạp chí	Thuộc Scopus; TOP 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE)	0 – 1,5
2.	Các Tạp chí quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0-1,0 bằng tiếng Anh từ 2024 0-0,75 bằng tiếng Việt từ 2024
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5
5.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
6.	Giáo chức Việt Nam	1859-2920 1859-2902	Tạp chí	Hội Cựu giáo chức Việt Nam	0 – 0,5 trước 2020
7.	Giáo dục lý luận Chính trị quân sự	1859-056X	Tạp chí	Học viện Chính trị, Bộ quốc phòng	0 – 0,5 trước 2020 0 – 0,5 từ 2024
8.	Giáo dục (Tên cũ: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp; Nghiên cứu Giáo dục)	2354-0753-V 2588-1477-E (0866-7476)	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2021
9.	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 0,5 từ 2024

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

10.	Khoa học	2354-1067 (0866-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 1,0
11.	Khoa học	1859-3100-V 2734-9918-E	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
12.	Khoa học (Tên cũ: Khoa học và giáo dục)	1859-1612	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2016
13.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2021
14.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,5 trước 2019 0 – 0,25 từ 2025
15.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,5 trước 2020 0 – 0,25 từ 2024 0 – 0,5 từ 2025
16.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Dầu Một	0 – 0,5
17.	Khoa học ĐH Huế	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 trước 2021 0 – 0,5 từ 2024
18.	Khoa học Giáo dục Việt Nam (Tên cũ: KH Giáo dục; Thông tin KH giáo dục; Phát triển giáo dục)	2615-8957-V 2615-8965-E	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2016 0 từ 2023 0 – 0,5 từ 2024
19.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
20.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5 trước 2021
21.	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172 3093-317X 3093-3889 3093-3900	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 từ 2017
22.	Khoa học xã hội Việt Nam, Vietnam social Sciences	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,75
23.	Khoa học (Journal of Science)	2615-9325 e-2588-1159 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2019 đến trước 2020
24.	Nghiên cứu con người	0328-1557	Tạp chí	Viện Nghiên cứu con người, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 trước 2020 0 – 0,25 từ 2025

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

25.	Nghiên cứu Dân tộc	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2023 0 từ tháng 6/2025
26.	Nghiên cứu Gia đình và Giới	1859-1361	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2024
27.	Nghiên cứu nước ngoài	2525-2445	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 từ 2017
28.	Nghiên cứu văn học (Tên cũ: Văn học)	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 trước 2020
29.	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 trước 2020
30.	Nhân lực khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0 0 – 0,5 từ 2024
31.	Khoa học và công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 trước 2020 0 – 0,5 từ 2024
32.	Quản lý giáo dục	1859-2910	Tạp chí	Học viện Quản lý giáo dục	0 – 0,50 0 từ 2023
33.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0
34.	Tâm lý học Việt Nam (Cũ: Tâm lý học xã hội)	0866-8019	Tạp chí	Hội Tâm lý học Việt Nam (Cũ: Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam)	0 – 1,0
35.	Thiết bị giáo dục	1859-0810	Tạp chí	Hiệp hội Thiết bị giáo dục Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2016 0 – 0,75 từ 2019 0 – 0,5 từ 2024
36.	Xã hội học Việt Nam (Tên cũ: Xã hội học)	2615-9163 (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 đến trước 2020 0 – 0,75 từ 2024 0 – 0,5 từ 2025
37.	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội	2815-5610	Tạp chí	Trường Đại học Lao động – Xã hội	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024
38.	Khoa học và công nghệ Việt Nam (Bản B) VMOST Journal of Social Sciences and Humanities	1859-4794-V 2734-9748-E	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022 0 từ 2023 0 – 0,5 từ 2024

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

39.	Khoa học: Nghiên cứu chính sách và Quản lý	2615-9295 e-2588-1116	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2024
40.	Tâm lý – Giáo dục học	2734-9217	Tạp chí	Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam	0 – 0,25 từ 2024 0 – 0,5 từ 2025
41.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development	2588-1418 e-2815-6412	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2025
42.	Khoa học	2615-9007	Tạp chí	Học viện Phụ nữ Việt Nam	0 – 0,25 từ 2025
43.	Lý luận Chính trị và Truyền thông	1859-1485	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 – 0,25 từ 2025
44.	Nghiên cứu Khoa học và Phát triển	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	0 – 0,25 từ 2025
45.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Xã hội và Nhân văn	2588-1043	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2025

c) Các nhà xuất bản có uy tín trong lĩnh vực Tâm lý học

- Nhà xuất bản có quốc tế uy tín:

Springer, Elsevier, Wiley-Blackwell, Taylor and Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publishers, Inderscience Publishers, Edward Elgar Publishing, Degruyter, World Scientific;

Các Nhà xuất bản của trường đại học thuộc TOP 500 theo xếp hàng của Higher Education World University Rankings (THE) bình chọn hàng năm;

- Nhà xuất bản của Việt Nam có uy tín

Các Nhà xuất bản thuộc các trường Đại học: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Thái Nguyên.

Các Nhà xuất bản: Chính trị Quốc gia - Sự thật; Khoa học Xã hội, Giáo dục Việt Nam, Lao động, Lý luận chính trị.

Ngoài ra, căn cứ vào hồ sơ xét của ứng viên, tùy thuộc vào từng nhà xuất bản, mức độ uy tín sẽ do HDGS ngành Tâm lý học xem xét tại thời điểm họp xét của năm.